



美和學校
財團法人

美和科技大學

Trường ĐH Công nghệ Mỹ Hòa

114 學年度外國學生學士班申請入學簡章

Thông tin tuyển sinh và cách thức đăng ký nhập học
chương trình cử nhân dành cho sinh viên nước ngoài
năm học 2025

美和科技大學國際及兩岸交流處
Văn phòng hợp tác Quốc tế và Hai bờ -
Trường ĐH Công nghệ Mỹ Hòa



E-mail : meihoiec@go.meiho.edu.tw

TEL : +886-8-7799821#8177 Fax : +886-8-7782663

Website : <https://www.meiho.edu.tw/>

Address : No.23, Pingguang Rd., Neipu, Pingtung
County 912, Taiwan(R.O.C.)

校址：91202 屏東縣內埔鄉美和村屏光路 23 號



目錄

Mục lục

壹、重要日程表	
Lịch trình quan trọng.....	3
貳、獎學金	
Học bổng.....	4
參、申請資格	
Điều kiện đăng ký.....	4
肆、招生系所、招生名額及修習學分規定	
Các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, quy định tín chỉ.....	6
伍、申請截止日期	
Ngày hết hạn nộp hồ sơ.....	8
陸、申請方式	
Cách thức đăng ký	7
柒、應繳資料	
Hồ sơ cần nộp	7
捌、評分方式及錄取原則	
Tiêu chí xét tuyển và nguyên tắc trúng tuyển.....	9
玖、錄取公告、成績複查	
Thông báo trúng tuyển, phúc khảo điểm	9
拾、申訴程序	
Quy trình khiếu nại	9
拾壹、報到與註冊入學	
Đăng ký nhập học	10
拾貳、收費標準	
Mức thu học phí	10
拾參、其他申請注意事項	
Các lưu ý khác khi đăng ký.....	13

附件資料 Phụ lục

入學申請應繳交資料檢查表

Bảng kiểm tra hồ sơ xin nhập học..... 14

入學申請表

Đơn xin nhập học 15

授權書

Giấy ủy quyền 17

具結書

Bản cam kết 18

壹、重要日程表

Lịch trình quan trọng

項目 Hoạt động	日期 Thời gian
繳交申請文件 Nộp hồ sơ đăng ký	2025 年 6 月 30 日前 Trước ngày 30 tháng 6 năm 2025
系科審查資料 Xét duyệt hồ sơ đăng ký	2025 年 7 月 10 日前 TTrước ngày 10 tháng 7 năm 2025
公告錄取名單及寄發入學許可通知 Thông báo kết quả và gửi giấy nhập học	2025 年 8 月 2 日前 Trước ngày 2 tháng 8 năm 2025
成績複查 Phúc khảo điểm	2025 年 8 月 10 日前 TTrước ngày 10 tháng 8 năm 2025
114 學年度秋季班註冊入學 Đăng ký và nhập học học kỳ mùa thu năm 2025	2025 年 9 月中旬 Giữa tháng 9 năm 2025

本校外國學生招生事務，除宣傳、推廣及協助學生辦理來臺必要程序外，並未委託任何機構、法人團體、或個人辦理招生事務。

Trường chúng tôi trong công tác tuyển sinh sinh viên nước ngoài, ngoài việc tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ sinh viên thực hiện các thủ tục cần thiết để đến Đài Loan học tập, không ủy quyền cho bất kỳ tổ chức, pháp nhân, hay cá nhân nào thực hiện công việc tuyển sinh.

貳、獎學金

Học bổng.

- 一、 **臺灣獎學金**：外國學生得於入境前向中華民國（臺灣）駐外單位或代表處申請政府核發之「臺灣獎學金」，有關獎學金訊息請參考教育部國際文教處網頁：

<https://www.mofa.gov.tw/cp.aspx?n=4326BCFE40D0A361>

1. Đối với sinh viên quốc tế được Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) cấp "Học bổng Đài Loan", có thể nộp hồ sơ xin học bổng tại các Đại sứ quán hoặc Cơ quan đại diện của Đài Loan tại nước sở tại trước ngày nhập cảnh. Thông tin chi tiết về học bổng vui lòng tham khảo trang web của Cục Hợp tác và Giáo dục Quốc tế, Bộ Giáo dục: <https://www.mofa.gov.tw/cp.aspx?n=4326BCFE40D0A361>

- 二、 經本管道錄取之本校四技學士班一年級外籍新生，第一學期學雜費減半，之後若前一學期學業成績及操行成績均達 80 分以上，則次學期學雜費減免一半，至二年級下學期為止。

2. Sinh viên quốc tế năm nhất hệ cử nhân bốn năm (hệ đại học bốn năm) của trường, nếu được xét tuyển qua kênh này, sẽ được giảm 50% học phí và các khoản phí học trong học kỳ đầu tiên. Nếu điểm học tập và rèn luyện của học kỳ trước đạt từ 80 điểm trở lên, sẽ tiếp tục được giảm 50% học phí và các khoản phí học trong các học kỳ tiếp theo cho đến hết học kỳ 2 năm hai.

- 三、 經本管道錄取之本校二技學士班三年級外籍新生，第一學期學雜費減半，之後若前一學期學業成績及操行成績均達 80 分以上，則次學期學雜費減免一半，至三年級下學期為止。

3. Sinh viên quốc tế hệ liên thông hai năm (lúc nhập học tương đương Sinh viên năm ba) của trường, nếu được xét tuyển qua kênh này, sẽ được giảm 50% học phí và các khoản phí học trong học kỳ đầu tiên. Nếu điểm học tập và rèn luyện của học kỳ trước đạt từ 80 điểm trở lên, sẽ tiếp tục được giảm 50% học phí và các khoản phí học trong các học kỳ tiếp theo cho đến hết học kỳ hai năm ba.

參、申請資格

Điều kiện đăng ký

申請資格依據教育部《外國學生來臺就學辦法》之規定。辦法如經修正，依教育部公告為準。有關辦法之最新訊息，請查閱教育部網站。

Điều kiện đăng ký được quy định theo "Quy định về việc tiếp nhận sinh viên quốc tế đến học tập tại Đài Loan" của Bộ Giáo dục. Nếu quy định này được sửa đổi, sẽ áp dụng theo thông báo chính thức của Bộ Giáo dục. Thông tin mới nhất về quy định vui lòng truy cập trang web của Bộ Giáo dục.

<https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001>

一、學歷資格 Trình độ học vấn

1. 四年制學士班須持高中以上學校畢業學歷或與我國學制相當之同等學力資格者。
Ứng viên chương trình cử nhân 4 năm phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ học lực tương đương với hệ thống giáo dục Đài Loan.
2. 二年制學士班須持有專科以上學校畢業學歷或與我國學制相當之同等學力資格者。
Ứng viên chương trình cử nhân 2 năm phải có bằng tốt nghiệp chuyên ngành hoặc trình độ học lực tương đương với hệ thống giáo dục Đài Loan.

二、語言能力基準：本校教學以華語授課為主。申請者具華語文能力測驗(TOCFL)2 級或以上之能力證明。

Tiêu chuẩn năng lực ngôn ngữ: Trường chủ yếu giảng dạy bằng tiếng Trung. Ứng viên phải có chứng nhận năng lực tiếng Trung đạt cấp độ 2 (A2) trở lên theo kỳ thi Năng lực Hoa ngữ TOCFL (Test of Chinese as a Foreign Language).

學生國籍認定 Xác định quốc tịch sinh viên

1. 具外國國籍(註 1) 且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者。
 1. Có quốc tịch nước ngoài (Chú thích 1) và chưa từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, và không có tư cách sinh viên Hoa kiều lúc nộp đơn.
2. 具外國國籍且符合下列規定，於申請時並已連續居留(註 2)海外(註 3)六年(註 4)以上者。Có quốc tịch nước ngoài và đáp ứng các điều kiện sau đây, đã cư trú liên tục (Chú thích 2) ở nước ngoài (Chú thích 3) từ sáu năm (Chú thích 4) trở lên tính tại thời điểm nộp hồ sơ.
 - A. 申請時兼具中華民國國籍者，應從未曾有戶籍。
Khi nộp đơn đồng thời có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc thì từ trước đến nay chưa từng có hộ tịch tại Đài Loan.
 - B. 申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年。
Trước khi nộp đơn từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, nhưng tại thời điểm nộp đơn đã mất quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc; kể từ ngày Bộ Nội chính cho phép mất quốc tịch đến ngày nộp đơn đã đủ tám năm.
 - C. 二款均未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。
Hai trường hợp trên đều chưa từng học tại Đài Loan với tư cách sinh viên Hoa kiều và không nằm trong diện phân bổ của Ủy ban Tuyển sinh Liên hợp Hải ngoại trong năm đăng ký học.
3. 依教育部合作協議，由外國政府、機構或學校遴選來臺就學之外國國民，其自始末曾在臺設有戶籍者，經主管教育行政機關核准，得不受前二項規定之限制。
Theo thỏa thuận hợp tác của Bộ Giáo dục, công dân nước ngoài được chính phủ, tổ chức hoặc trường học nước ngoài giới thiệu đến Đài Loan học tập, nếu chưa từng có hộ tịch tại Đài Loan,

sau khi được cơ quan quản lý giáo dục phê duyệt có thể không bị giới hạn bởi các quy định trên.

註 1：申請資格係依據教育部「外國學生來臺就學辦法」之規定，辦法如有修正，以教育部最新公告為準。以上各項說明若有未盡事宜，悉依相關法令規定及本校招生委員會決議辦理。

Chú thích 1: Điều kiện đăng ký căn cứ theo “Quy định về việc tiếp nhận sinh viên quốc tế đến học tại Đài Loan” của Bộ Giáo dục. Nếu có sửa đổi, áp dụng theo thông báo mới nhất của Bộ Giáo dục. Các phần chưa đề cập sẽ được xử lý theo quy định pháp luật và quyết định của Ủy ban Tuyển sinh của trường.

<https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001>

註 2：所稱連續居留，指外國學生每歷年在國內停留期間不得逾一百二十日。

Chú thích 2: Thuật ngữ cư trú liên tục chỉ việc mỗi năm dương lịch thời gian lưu trú trong nước không quá 120 ngày.

註 3：所稱海外，指大陸地區、香港及澳門以外之國家或地區。

Chú thích 3: Thuật ngữ "nước ngoài" chỉ các quốc gia hoặc khu vực ngoài Trung Quốc đại lục, Hồng Kông và Ma Cao.

註 4：所定六年、八年，以擬入學當學期起始日期(2 月 1 日或 8 月 1 日)為終日計算之。

Chú thích 4: Thời hạn sáu năm và tám năm được tính đến ngày bắt đầu học kỳ dự kiến nhập học (ngày 1 tháng 2 hoặc ngày 1 tháng 8).

肆、 招生系所、招生名額及修習學分規定

Các khoa tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh và quy định về tín chỉ học tập

學位類別 Loại học vị	系所別 Khoa/Ngành		網址 QR Code	招生名額 Chỉ tiêu tuyển sinh
學士班(四技) Hệ cử nhân 4 năm	護理學院 Khoa Điều dưỡng	護理系 Ngành điều dưỡng		43 臺教技(四)字第 1122313221O 號核定
	民生學院 Khoa Dân sinh	觀光系 Ngành Du lịch		
		餐旅管理系 Ngành Quản trị Nhà hàng Khách sạn		
		社會工作系 Ngành công việc cộng đồng		
	健康科學管理學院 Khoa Quản lý Khoa học Sức khỏe	運動與休閒管理系 Ngành Quản lý Thể thao và Giải trí		
		美容系 Ngành Thẩm mỹ (保健造型設計組 Tổ Thiết kế Tạo hình Chăm sóc Sức khỏe) (寵物美容設計組 Tổ Thiết kế Thẩm mỹ Thú cưng)		
		食品營養系 Ngành Dinh dưỡng và Thực phẩm		
		企業管理系 Ngành Quản trị doanh nghiệp		
學士班(二技) Hệ 2 năm	護理學院 Khoa Điều dưỡng	護理系 Ngành điều dưỡng		13 臺教技(四)字第 1122313221O 號核定
	民生學院 Khoa Dân sinh	餐旅管理系 Ngành Quản trị Nhà hàng Khách sạn		

- 上述學士班均以中文授課。
Tất cả các chương trình cử nhân nêu trên đều được giảng dạy bằng tiếng Trung.
- 申請人可同時申請 2 個以上系所，惟同獲錄取時，僅能選擇其中 1 個系所報到及註冊入學。Ứng viên có thể nộp hồ sơ cho hai ngành học trở lên cùng lúc, nhưng nếu cùng được nhận thì chỉ được chọn một ngành để đăng ký và nhập học.
- 修業年限：依本校學則辦理，大學部以四年為原則，未能修足應修學分者，至多得延長 2 年修業年限。
Thời hạn học: Theo quy định của trường, chương trình đại học theo nguyên tắc bốn năm, những sinh viên chưa hoàn thành đủ tín chỉ có thể được gia hạn thêm tối đa hai năm.

伍、申請截止日期

Hạn chót nộp hồ sơ

申請截止日：2025 年 6 月 30 日

Hạn chót nộp hồ sơ: ngày 30 tháng 6 năm 2025

陸、申請方式

Cách thức đăng ký

- 一、線上報名:請至本校國際及兩岸交流處外國生線上申請入學系統填寫報名
(<https://globaladmission.meiho.edu.tw>)，以中文或英文填寫報名資料並確認無誤
後送出，並上傳繳交相傳相關資料，完成線上申請。

Đăng ký trực tuyến: Vui lòng truy cập hệ thống đăng ký trực tuyến của Phòng Quốc tế và Giao lưu hai bờ tại (<https://globaladmission.meiho.edu.tw>), điền đầy đủ thông tin bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh và xác nhận trước khi gửi, đồng thời tải lên các tài liệu liên quan để hoàn tất việc đăng ký trực tuyến.

柒、應繳資料

Hồ sơ cần nộp

一、入學申請表 1 份 (貼二吋半身脫帽照片 1 張)。

Đơn xin nhập học 1 bản (dán kèm 1 ảnh chân dung cỡ 2 inch không đội mũ).

二、護照影本。或身分證明文件影本(如有臺灣外僑居留證，亦需繳交)

Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh thân phận (nếu có thẻ cư trú người nước ngoài ở Đài Loan thì cũng phải nộp bản sao).

三、最高學歷之畢業證書影本、成績單正本各一份(正本若非中文版或英文版，則須另附上經中華民國外交部授權之駐外機構驗證的翻版)。

Bản sao bằng tốt nghiệp cao nhất và bản gốc bằng điểm (nếu bản gốc không phải bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh thì phải kèm bản dịch được chứng thực bởi cơ quan đại diện ngoại giao của Trung Hoa Dân Quốc).

四、入學審查授權書 1 份。Giấy ủy quyền xét tuyển 1 bản.

五、具結書 1 份。Bản cam kết 1 bản.

六、醫院核發之六個月內中文版或英文版之健康證明。

Giấy khám sức khỏe bản tiếng Trung hoặc tiếng Anh do bệnh viện cấp trong vòng 6 tháng gần nhất.

七、財力證明:由銀行提供並證明申請者足夠支付在臺灣生活、保險、書籍及其他大學相關費用之財力證明(三個月內)。財力證明須為申請者本人帳戶且不得少於美金 3,300 元 (新台幣 100,000)。若財力證明非申請者本人，則須附上經濟資助信。

Giấy chứng minh tài chính: do ngân hàng cung cấp, chứng minh ứng viên đủ khả năng chi trả chi phí sinh hoạt, bảo hiểm, sách vở và các chi phí khác tại Đài Loan (trong vòng 3 tháng gần nhất). Giấy chứng minh tài chính phải thuộc tài khoản cá nhân của người đăng ký và không dưới 3,300 USD (tương đương 100,000 TWD). Nếu giấy chứng minh tài chính không thuộc chủ tài khoản, phải kèm theo thư tài trợ.

八、語言能力證明:國家華語測驗委員會華語能力檢定(TOCFL)二級以上證明(含)、或其他同等級之華語測驗聽力與閱讀通過證明。

Giấy chứng nhận năng lực ngôn ngữ: chứng nhận TOCFL cấp 2 trở lên do Ủy ban kiểm tra năng lực Hoa ngữ quốc gia cấp hoặc chứng nhận đạt chuẩn nghe và đọc các kỳ thi năng lực Hoa ngữ tương đương.

九、其他有助審查之資料。Các giấy tờ khác giúp cho quá trình xét duyệt.

十、詳見第 14 頁之檢查表。Vui lòng xem bảng kiểm tra chi tiết tại trang 14.

捌、評分方式及錄取原則

Phương thức chấm điểm và nguyên tắc tuyển sinh

一、評分項目、配分及計分內容：Tiêu chí, tỷ lệ và nội dung chấm điểm

評分項目 Tiêu chí chấm điểm	配分 Tỷ lệ điểm	計分內容 Nội dung chấm điểm
書面審查 Xét hồ sơ đăng ký	100 分 100 Điểm	審查申請入學文件完整性、成績及其他文件。 Xét duyệt tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký nhập học, thành tích học tập và các giấy tờ liên quan khác.

二、本校外國學生之入學申請，由各系（所）依其訂定之入學標準進行初審，招生委員會就初審通過名冊予以複審核定，錄取名單由本校國際及兩岸交流處公告並以電子郵件通知考生。

Đơn xin nhập học của sinh viên quốc tế tại trường sẽ được các khoa (chuyên ngành) xét duyệt sơ bộ dựa trên tiêu chuẩn nhập học mà họ đề ra. Hội đồng tuyển sinh sẽ rà duyệt lại danh sách qua vòng sơ tuyển và phê duyệt cuối cùng. Danh sách trúng tuyển sẽ được công bố bởi Phòng Quan hệ Quốc tế và Giao lưu hai bờ của trường, đồng thời thông báo cho thí sinh qua thư điện tử.

玖、錄取公告、成績複查

Thông báo trúng tuyển và phúc khảo điểm

一、錄取公告：2025 年 8 月 2 日

Thông báo trúng tuyển: ngày 2 tháng 8 năm 2025

二、成績複查：對於本項招生錄取結果有疑慮者，於 2025 年 8 月 10 日前以 E-mail 或傳真寄至 本校國際及兩岸交流處，逾期不受理。

Phúc khảo điểm: Những thí sinh có thắc mắc về kết quả trúng tuyển của đợt tuyển sinh này phải gửi yêu cầu phúc khảo qua email hoặc fax đến Phòng Quốc tế và Giao lưu hai bờ của trường trước ngày 10 tháng 8 năm 2025. Quá hạn sẽ không được tiếp nhận.

三、錄取生收到錄取通知後，應於規定時間內回覆國際及兩岸事務處入學本校之意願。考生若未收到通知，請電話洽詢國際及兩岸交流處(08)7799821 轉 8177。

Thí sinh trúng tuyển sau khi nhận được thông báo trúng tuyển phải trong thời hạn quy định phản hồi Phòng Quốc tế và Giao lưu hai bờ về nguyện vọng nhập học tại trường. Nếu thí sinh không nhận được thông báo, vui lòng gọi đến Phòng Quốc tế và Giao lưu hai bờ theo số (08) 7799821 máy nhánh 8177 để được hỗ trợ.

拾、申訴程序

Quy trình khiếu nại

考生對於本項招生事項有疑義或有違反性別平等原則之申訴案，應於成績複查截止日起一週內提出，以書面具名向本校招生委員會提出申訴，逾期不受理。

Thí sinh có thắc mắc hoặc có đơn khiếu nại về vấn đề tuyển sinh hoặc vi phạm nguyên tắc bình đẳng giới phải nộp đơn khiếu nại có ký tên bằng văn bản gửi đến Ủy ban Tuyển sinh của trường trong vòng 1 tuần kể từ ngày kết thúc thời hạn phúc khảo điểm. Các đơn quá hạn sẽ không được tiếp nhận.

拾壹、報到與註冊入學

Điểm danh và đăng ký nhập học

一、本校確認錄取生有入學意願後，即由國際及兩岸事務處將入學許可電子郵件方式及紙本方式寄送給新生。錄取生應依寄發錄取通知之規定，在指定期限前回覆入學意願辦理通訊報到。逾期未完成通訊報到者，以自願放棄錄取資格論，其缺額由已登記遞補之備取生依序遞補。

Sau khi xác nhận thí sinh trúng tuyển có nguyện vọng nhập học, Bộ phận Quốc tế và Giao lưu hai bờ sẽ gửi giấy phép nhập học qua email và bản giấy cho thí sinh. Thí sinh trúng tuyển phải phản hồi nguyện vọng nhập học trong thời hạn quy định để hoàn tất thủ tục báo danh từ xa. Nếu không hoàn thành thủ tục này đúng hạn, sẽ được coi là tự nguyện từ bỏ tư cách trúng tuyển và chỉ tiêu của họ sẽ được chuyển cho các thí sinh dự bị theo thứ tự.

二、開學：2025 年 9 月中旬 錄取生應依入學通知書之規定辦理報到註冊手續，並繳驗護照、經我國駐外館處、行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證之畢業證書、高中成績單及健康檢查正本(檢驗後歸還)，始得註冊入學。未依規定日期補繳或逾期未報到即以自願放棄入學資格論。

Khai giảng: giữa tháng 9 năm 2025. Thí sinh trúng tuyển phải đến làm thủ tục báo danh và đăng ký theo quy định trong thông báo nhập học; đồng thời nộp bản chính hộ chiếu, bằng tốt nghiệp và bằng điểm trung học đã được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan của Ủy ban Hành chính cấp hoặc tổ chức tư nhân được ủy quyền xác nhận, cùng giấy khám sức khỏe bản chính (sau kiểm tra sẽ trả lại). Không nộp bổ sung hoặc không đến đúng hạn được coi là tự nguyện từ bỏ tư cách nhập học.

三、根據教育部規定，外國學生註冊入學時，未逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於當學期入學；已逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於第二學期或下一學年註冊入學。

Theo quy định của Bộ Giáo dục, sinh viên nước ngoài nếu đăng ký nhập học mà chưa qua một phần ba thời lượng học kỳ thứ nhất thì sẽ được nhập học học kỳ đó; nếu đã qua hơn một phần ba thì sẽ nhập học vào học kỳ hai hoặc năm học tiếp theo.

四、外國學生接獲本校入學許可後，須提出接獲錄取通知後 3 個月內之健康檢查紀錄。外國學生來臺註冊後，仍需配合參加本校新生體檢。

Sau khi nhận giấy phép nhập học, sinh viên nước ngoài phải nộp giấy khám sức khỏe trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận thông báo trúng tuyển. Sau khi đăng ký nhập học tại Đài Loan, sinh viên cũng phải tham gia kiểm tra sức khỏe cho sinh viên mới do trường tổ chức.

拾貳、收費標準

Tiêu chuẩn thu phí

一、每學期繳費：學生收費標準 (以新台幣計算)

Thanh toán học phí mỗi học kỳ: mức thu học phí cho sinh viên (tính bằng Đài tệ).

二、學生應於開學前繳清當學期之各項費用方得入學。

Sinh viên phải hoàn tất việc đóng học phí và các khoản phí khác của học kỳ trước khi bắt đầu nhập học.

三、以下提供 113 學年度學雜費收費標準供參考，實際費用依學校網頁最新公告為準，美和科技大學保留相關修改權利。

Dưới đây là mức thu học phí và các khoản phí năm học 113 để tham khảo, mức phí thực tế sẽ căn cứ vào thông báo mới nhất trên trang web của trường. Trường Đại học Công nghệ Mỹ Hòa giữ quyền điều chỉnh các khoản phí liên quan.

學位類別 Loại học vị	學雜費/一學期 Học phí và các khoản phí khác/ 1 học kỳ		住宿費/一學期 Phí ký túc xá / 1 học kỳ
外國學生 學士班 Chương trình cử nhân dành cho sinh viên nước ngoài	護理系 Ngành Điều dưỡng	NTD 54,619	女生宿舍：NTD 12,000 Ký túc xá nữ: 12,000 Đài tệ 男生宿舍：NTD 9,000 (男生宿舍為 4-6 人房) Ký túc xá nam: 9,000 Đài tệ (Ký túc xá nam là phòng 4-6 người)
	觀光系 Ngành Du lịch 餐旅管理系 Ngành Quản lý Nhà hàng Khách sạn 運動與休閒管理系 Ngành Quản lý Thể thao và Giải trí 美容系 Ngành Thẩm mỹ 食品營養系 Ngành Dinh dưỡng và Thực phẩm	NTD 49,722	
	社會工作系 Ngành Công tác xã hội 企業管理系 Ngành Quản trị doanh nghiệp	NTD 45,478	

(除學雜費及住宿費外，還需繳交其他費用：電腦及網路通訊使用費、體檢費、境外生傷病醫療保險、學生團體保險費、全民健康保險費等費用)。

(Bên cạnh học phí và phí ở ký túc xá, sinh viên còn phải đóng các khoản phí khác như: phí sử dụng máy tính và mạng lớp học, phí khám sức khỏe, bảo hiểm y tế dành cho sinh viên nước ngoài, bảo hiểm nhóm sinh viên, phí bảo hiểm y tế toàn dân, v.v.)

• **電腦及網路通訊使用費** Phí sử dụng máy tính và mạng lớp học: 800 Đài tệ

- **新生體檢費** Phí khám sức khỏe cho sinh viên mới: 750 Đài tệ
- **居留證申請費** Phí xin cấp giấy phép cư trú: 1,000 Đài tệ
- **印鑑(銀行開戶用)** Con dấu cá nhân (dùng để mở tài khoản ngân hàng): 60 Đài tệ
- **學生團體平安保險** Bảo hiểm an toàn nhóm sinh viên: 585 Đài tệ
- **境外生傷病醫療保險/ 6 個月** Bảo hiểm y tế cho sinh viên nước ngoài/ 6 tháng: 3,900 Đài tệ

※學生剛入境居留未滿 6 個月，尚未符合投保健保資格，須投保境外生傷病醫療保險。

※ Sinh viên mới nhập cảnh chưa cư trú đủ 6 tháng sẽ chưa đủ điều kiện tham gia bảo hiểm y tế toàn dân, buộc phải tham gia bảo hiểm y tế cho sinh viên nước ngoài.

• **全民健康保險費** Phí bảo hiểm y tế toàn dân: 4,956 Đài tệ

※學生居留滿 6 個月後，應依法強制參加保全民健保(每月新臺幣 826 元)。於每學期註冊時收取 6 個月保費，共新台幣 4,956 元。

※ Sau khi sinh viên cư trú đủ 6 tháng, theo luật phải tham gia bảo hiểm y tế quốc dân (826 Đài tệ/tháng). Phí bảo hiểm cho 6 tháng được thu trong mỗi học kỳ, tổng cộng 4,956 Đài tệ/Học kỳ.

• **其他支出** Chi phí khác (sách vở và đồ dùng học tập, chi phí cá nhân, đi lại và vận chuyển, v.v.)

四、美和科技大學學雜費退費基準

Tiêu chuẩn hoàn trả học phí và các khoản phí khác của Đại học Công nghệ Mỹ Hòa

本校學雜費退費基準依據教育部「專科以上學校學雜費退費基準表」辦理：

Tiêu chuẩn hoàn trả học phí và các khoản phí khác của trường căn cứ theo bảng tiêu chuẩn hoàn trả của Bộ Giáo dục dành cho các trường từ cao đẳng trở lên.

<https://law.moj.gov.tw/LawClass/LawAll.aspx?PCode=H0030043>

(1) 於註冊開學日（含）以前，申請休、退學者，免繳費，已收費者，全額退費。

Nộp đơn xin bảo lưu, thôi học trước hoặc trong ngày đăng ký nhập học, không phải đóng phí; nếu đã đóng phí thì được hoàn toàn bộ.

(2) 於註冊開學日次日起至第六週期間，申請休、退學者，學雜費按週數比例退還。

Từ ngày sau ngày nhập học đến tuần thứ sáu, xin bảo lưu hoặc thôi học sẽ được hoàn theo tỷ lệ số tuần chưa học.

(3) 於註冊開學日後第七週起至第十二週期間，申請休、退學者，學雜費退還三分之一。

Từ tuần thứ bảy đến tuần thứ mười hai kể từ ngày nhập học, xin bảo lưu hoặc thôi học sẽ được hoàn một phần ba học phí và các khoản phí khác.

(4) 於註冊開學日後第十三週（含）以後，申請休、退學者，所繳學雜費不予退還。

Sau tuần thứ mười ba (bao gồm cả tuần thứ mười ba) kể từ ngày nhập học, xin bảo lưu hoặc thôi học thì học phí và các khoản phí đã đóng sẽ không được hoàn lại.

拾參、其他申請注意事項

Các lưu ý khác khi đăng ký

一、報名時繳交之「畢業證書」及「歷年成績單」，除海外臺灣學校所發者外，應依教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」規定辦理。

Bằng tốt nghiệp và bảng điểm nộp khi đăng ký, trừ các giấy tờ do các trường Đài Loan ở nước ngoài cấp, phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục về việc công nhận học lực nước ngoài trong các trường đại học.

二、依教育部規定，凡曾經入學學校以操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學者，不得再向本校申請入學。若違反此規定並經查證屬實者，取消其入學資格。

Theo quy định của Bộ Giáo dục, những người từng bị đuổi học vì hạnh kiểm, học lực không đạt hoặc do phạm tội bị kết án sẽ không được đăng ký nhập học tại trường này. Nếu vi phạm quy định và bị xác minh, tư cách nhập học sẽ bị hủy bỏ.

三、已報名或錄取之學生，如經發現申請資格不符規定或所繳交之證件有變造、偽造、假借、冒用等不實情事者，未入學者即取消錄取資格；已入學者開除學籍，亦不發給任何學歷證明；如將來在本校畢業後始發現者，除勒令繳銷其學位證書外，並公告取消其畢業資格。

Những sinh viên đã đăng ký hoặc trúng tuyển nếu bị phát hiện không đủ điều kiện hoặc hồ sơ có giả mạo, làm giả, mượn thay hay giả danh sẽ bị hủy tư cách trúng tuyển nếu chưa nhập học; nếu đã nhập học sẽ bị khai trừ và không cấp bất kỳ bằng cấp nào; nếu phát hiện sau khi đã tốt nghiệp sẽ bị thu hồi bằng cấp và công bố hủy kết quả tốt nghiệp.

四、註冊時，新生應檢附：已於國外投保、自入境當日起至少 6 個月效期之醫療及傷害保險。

Khi đăng ký, sinh viên mới phải nộp giấy chứng nhận đã mua bảo hiểm y tế và tai nạn ở nước ngoài có hiệu lực ít nhất 6 tháng kể từ ngày nhập cảnh.

五、外國學生就學期間在臺設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，應予退學處分。

Sinh viên nước ngoài nếu trong thời gian học tập mà đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan, chuyển hộ khẩu, nhập quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc hoặc khôi phục quốc tịch này sẽ mất tư cách sinh viên nước ngoài và sẽ bị xử lý thôi học.

六、本簡章中文版與翻譯版語意有所差異時，依中文版為主。如有未盡事宜，依相關法規及本校招生委員會決議辦理。

Nếu có sự khác biệt về ngữ nghĩa giữa bản tiếng Trung và bản dịch, bản tiếng Trung sẽ được ưu tiên áp dụng. Các trường hợp chưa đề cập sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật và quyết định của Ủy ban Tuyển sinh của trường.

Bảng kiểm tra hồ sơ xin nhập học

(請確認已繳交之資料，在註記欄內打 V)

(Vui lòng đánh dấu V vào ô ghi chú sau khi xác nhận đã nộp đủ hồ sơ)

* 1.所有繳交的資料恕不退還，如有必要，請自行複製留存

Tất cả hồ sơ đã nộp sẽ không được hoàn trả, nếu cần thiết xin vui lòng tự sao lưu bản sao.

* 2.請確認繳交資料以中文或英文書寫

Vui lòng đảm bảo hồ sơ nộp bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh.

請勾選 Đánh dấu V	繳交資料項目 Những hồ sơ cần nộp
☐	入學申請表 1 份 (貼二吋半身脫帽照片 1 張) Đơn xin nhập học 1 bản (dán kèm 1 ảnh chân dung cỡ 2 inch không đội mũ)
☐	護照影本 本 sao hộ chiếu
☐	最高學歷畢業證書影本、成績單正本各 1 份。(正本若非中文版或英文版，則須另附上經中華民國外交部授權之駐外機構驗證的翻譯版)。 Bản sao bằng tốt nghiệp cao nhất và bản gốc bảng điểm (nếu bản gốc không phải tiếng Trung hoặc tiếng Anh, phải kèm bản dịch được chứng thực bởi cơ quan đại diện ngoại giao của Trung Hoa Dân Quốc)
☐	入學審查授權書 1 份。Giấy ủy quyền xét duyệt nhập học 1 bản
☐	具結書 1 份。Bản cam kết 1 bản
☐	醫院核發之六個月內中文版或英文版之健康證明 Giấy khám sức khỏe bản tiếng Trung hoặc tiếng Anh do bệnh viện cấp trong vòng 6 tháng gần nhất
☐	財力證明:由銀行提供並證明申請者足夠支付在臺灣生活、保險、書籍及其他大學相關費用之財力證明(三個月內)。財力證明須申請者本人帳戶且不得少於美金 3,300 元 (新台幣 100,000)。若財力證明非申請者本人，則須附上經濟資助信。 Giấy chứng minh tài chính do ngân hàng cung cấp, chứng minh ứng viên đủ khả năng chi trả sinh hoạt, bảo hiểm, sách vở và các chi phí khác tại Đài Loan (trong vòng 3 tháng gần nhất), tài khoản phải là của người đăng ký và số dư không dưới 3,300 USD (tương đương 100,000 TWD). Nếu không phải tài khoản của ứng viên thì phải có thư tài trợ
☐	語言能力證明:國家華語測驗委員會華語能力檢定(TOCFL)二級以上證明(含)、或其他同等級之華語測驗聽力與閱讀通過證明。 Giấy chứng nhận năng lực tiếng Hoa TOCFL cấp 2 trở lên hoặc chứng nhận tương đương về nghe và đọc
☐	其他有助審查之資料 Các giấy tờ khác hỗ trợ cho việc xét tuyển

申請人簽名 Chữ ký của người nộp đơn : _____ 日期 Ngày tháng : _____



美和科技大學 114 學年度外國學生學士班
入學申請表
Đơn đăng ký nhập học
Chương trình cử nhân dành cho sinh viên quốc
tế năm học 2025 của Đại học Công nghệ Mỹ Hòa

Dán ảnh chân dung
không đội mũ kích
thước 2 inch mới
nhất ở đây (cao
4.7cm x rộng 4.2cm)

學制 Hệ đào tạo	系科 Ngành học
四技學士班 Hệ cử nhân 4 năm	☐ 護理系 Ngành điều dưỡng ☐ 觀光系 Ngành Du lịch ☐ 餐旅管理系 Ngành Quản trị Nhà hàng Khách sạn ☐ 社會工作系 Ngành Công tác xã hội ☐ 運動與休閒管理系 Ngành Quản trị Thể thao và Giải trí ☐ 資訊科技系 Ngành Công nghệ Thông tin ☐ 美容系 Ngành Thẩm mỹ ☐ 食品營養系 Ngành Dinh dưỡng và Thực phẩm ☐ 企業管理系 Ngành Quản trị Doanh nghiệp
二技學士班 Hệ Liên thông 2 năm	☐ 護理系 Ngành điều dưỡng ☐ 餐旅管理系 Ngành Quản trị Nhà hàng Khách sạn

A. 個人資料 Thông tin cá nhân

*請以正楷詳細逐項填寫 Vui lòng điền chi tiết từng mục bằng chữ viết thường rõ ràng

申請人姓名 Tên người nộp đơn	(中文 Tiếng Trung)	出生日期 Ngày sinh (YYYY/MM/DD)	
	(英文 Tiếng Anh)	性 別 Giới tính	☐ 男 Nam ☐ 女 Nữ
住 址 Địa chỉ		電 話 Số điện thoại	
通訊處 Địa chỉ gửi thư		E-mail	
出生地 Nơi sinh		國籍 Quốc tịch	護照號碼 Số Hộ chiếu

監護/緊急聯絡人 Người giám hộ/ Người liên lạc trong trường hợp khẩn cấp	姓名 (中文) Tên tiếng Trung : (英文) Tên tiếng Anh	國籍 Quốc tịch	
	住址 Địa chỉ :		
	手機 Số di động :	電話 Số điện thoại bàn :	
	與申請人關係 Mỗi quan hệ :	職業 Nghề nghiệp :	

B. 教育背景 Bối cảnh giáo dục

	學校名稱 Tên trường	學校所在地 Địa chỉ trường	每學年平均成績 Thành tích trung bình các năm	修業起迄年月 (YY/MM/DD) thời gian học
中學 Trường THCS				
高級中學 Trường THPT				
大學/學院 Trường CĐ/ĐH				

財力證明: Giấy chứng minh tài chính

- ☐ 銀行財力證明 Giấy chứng minh tài chính do ngân hàng cấp
☐ 經濟資助信 Thư cam kết hỗ trợ tài chính

語文能力證明: Giấy chứng nhận năng lực ngôn ngữ

- ☐ 華語文能力測驗(TOCFL)2 級或以上之能力證明

Giấy chứng nhận năng lực tiếng Hoa TOCFL cấp 2 (A2) trở lên hoặc các chứng nhận tương đương

申請人簽名 Chữ ký của người nộp đơn : _____ 日期 Ngày tháng : _____

本欄請勿填寫(工作人員用) *Mục này xin đừng điền (dành cho nhân viên)*

申請編號 Application No.	初審承辦人 1st Review by		初審主管 In Charge		備註 Remarks	
-------------------------	------------------------	--	-------------------	--	---------------	--

授權書

Giấy ủy quyền

我授權美和科技大學使用我所提供的資料做為申請入學、教務與學務之用。

Tôi ủy quyền cho Đại học Công nghệ Mỹ Hòa sử dụng thông tin tôi cung cấp cho việc xét duyệt nhập học và quản lý học vụ.

我授權美和科技大學查驗我所提供的所有入學申請資料。

Tôi ủy quyền cho Đại học Khoa học và Công nghệ Mỹ Hòa xác minh tất cả các giấy tờ đăng ký nhập học của tôi.

美和科技大學國際及兩岸交流處取得您的個人資料僅用於您的入學申請與相關教務、學務工作之用。

Phòng Quốc tế và Giao lưu hai bờ Đại học Công nghệ Mỹ Hòa chỉ sử dụng thông tin cá nhân của bạn cho việc xét duyệt nhập học và các công việc liên quan đến học vụ.

申請人所填各項資料，依據中華民國「個人資料保護法」等相關法令規定為必要之資訊應用處理相關事宜。

Tất cả dữ liệu của người đăng ký được bảo vệ theo luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân của Trung Hoa Dân Quốc cùng các quy định liên quan.

申請人全名(正楷填寫) Họ tên người đăng ký (viết chữ in rõ ràng)

護照號碼 Số hộ chiếu

生日 Ngày sinh

申請人簽名 Chữ ký của người nộp đơn : _____ 日期 Ngày tháng : _____

具結書 Bản cam kết

- 一、本人保證未具僑生身份且不具中華民國國籍法第二條所稱中華民國國籍者。或已喪失中華民國國籍滿八年。
Tôi cam đoan rằng tôi không có thân phận là Hoa Kiều sinh và không mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc theo quy định tại Điều 2 của Luật Quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, hoặc đã mất quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc trên tám năm.
- 二、本人保證並未以「僑生回國就學及輔導辦法」申請入學中華民國國內之其他大學院校。
Tôi cam đoan rằng tôi chưa từng nộp đơn xin nhập học các trường đại học khác tại Trung Hoa Dân Quốc theo "Quy định về du học sinh hải ngoại trở về học tập và hỗ trợ tư vấn".
- 三、本人保證不具香港或澳門或中華人民共和國國籍。
Tôi cam đoan rằng tôi không có quốc tịch Hong Kong, Ma Cao hoặc Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.
- 四、本人保證在臺就讀其他大學校院時，未因操行或學業成績不及格、違反法令或校規情節嚴重致遭退學或喪失學籍者。
Tôi cam đoan rằng trong quá trình học tại các trường đại học khác ở Đài Loan, tôi không bị đuổi học hoặc mất tư cách sinh viên vì lý do hạnh kiểm xấu, học lực kém hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của trường.
- 五、本人所提供之所有相關資料（包括學歷、護照及其他相關文件之正本及影本）均為合法有效之文件，如有不符合規定或變造之情事，經查屬實即取消入學資格，且不發給任何有關之學分證明。
Tôi cam đoan tất cả các giấy tờ liên quan mà tôi cung cấp (bao gồm bằng cấp, hộ chiếu và các giấy tờ khác bản gốc và bản sao) là hợp pháp và có giá trị. Nếu có vi phạm hoặc giả mạo được phát hiện, tôi sẽ bị hủy tư cách nhập học và không được cấp bất kỳ chứng nhận học tập nào.
- 六、本人所提供之最高學歷畢業證書（高中/專科/大學畢業證書）在畢業學校所在國家均為合法有效取得畢業資格，並所持之證件相當於中華民國國內之各級合法學校授予學位。如有不實或不符規定或變造之情事，經查屬實即取消入學資格，並註銷學籍，且不發給任何有關之學分證明或畢業證書。
Tôi cam đoan bằng tốt nghiệp cao nhất của tôi (trung học phổ thông / cao đẳng / đại học) là hợp pháp và được công nhận tại quốc gia của trường cấp. Bằng cấp tương đương với các trường hợp pháp tại Đài Loan. Nếu phát hiện giả mạo hoặc không tuân thủ quy định, tôi sẽ bị hủy tư cách nhập học, mất tư cách sinh viên và không được cấp chứng nhận hay bằng tốt nghiệp nào.
- 七、本人在中華民國未曾完成申請就學學程或遭退學，如違反此規定並經查證屬實者，取消其入學資格並註銷學籍。
Tôi cam đoan chưa từng làm hồ sơ học tập chưa hoàn thành hoặc bị đuổi học ở Đài Loan. Nếu vi phạm sẽ bị hủy tư cách nhập học và mất tư cách sinh viên.
- 八、上述所陳之任一事項同意授權美和科技大學查證，如有不實或不符規定等情事屬實者，若於入學後經查證屬實者，本人願接受學校註銷學籍處分，絕無異議。。如在貴校畢業後始被發覺，本人同意貴校公告撤銷本人畢業資格，並專案報陳教育部備查。
Tôi đồng ý ủy quyền cho Đại học Công nghệ Mỹ Hòa kiểm tra các thông tin tôi khai báo. Nếu phát hiện sai lệch hoặc vi phạm các quy định, tôi đồng ý bị hủy tư cách sinh viên mà không khiếu nại. Nếu điều này được xác minh sau khi tốt nghiệp, tôi chấp nhận bị hủy bỏ bằng tốt nghiệp và trường có quyền thông báo công khai, đồng thời báo cáo Bộ Giáo dục để lưu trữ.

申請人簽名：_____申請日期：_____

Chữ ký của người nộp đơn：_____ Ngày tháng：_____